TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/DS-ST
Ngày 14-4-2023
"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Diễm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Đạt**

2. Ông **Trương Công Út**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhi** là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 302/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Viết V – Chủ hộ kinh doanh cá thể T

Địa chỉ: Tổ 12B, khu B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hà Thị T, sinh năm 1979. (Văn bản ủy quyền ngày 16/12/2022). Có mặt

HKTT: Tổ 3, ấp Ngã Tư, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 6, khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông Trương Huỳnh L, sinh năm 1972. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 12, khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 12, khu *phố* B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà Hà Thị T, sinh năm 1979. Có mặt.

HKTT: Tổ 3, ấp T, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 6, khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

N***guyên đơn do bà Hà Thị T làm đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Ông Trương Huỳnh L có mua vật tư thủy sản của Cửa hàng thủy sản T, trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 03/5/2019 ông Trương Huỳnh L còn nợ Cửa hàng thủy sản T số tiền 574.601.900 đồng và ông L có làm bản cam kết trả số nợ này nhưng đến nay vẫn không thực hiện trả nợ.

Tại Đơn khởi kiện ngày 13/12/2022 ông Trần Viết V – Chủ hộ kinh doanh cá thể T yêu cầu ông Trương Huỳnh L và bà Nguyễn Thị T (Là vợ ông L) trả số tiền mua bán vật tư thủy sản nuôi tôm là 574.601.900 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 03/5/2019 cho đến khi giải quyết xong theo mức lãi suất pháp luật quy định.

Tại phiên tòa hôm nay bà Hà Thị T đại diện theo ủy quyền của ông Trần Viết V thay đổi thời gian tính lãi suất, cụ thể ông Trần Viết V – Chủ hộ kinh doanh cá thể T yêu cầu ông L và bà T trả lãi từ ngày 30/7/2019 đến ngày 13/12/2022 theo lãi suất pháp luật quy định.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Trương Huỳnh L trình bày:

Ông Trương Huỳnh L thừa nhận khi nuôi tôm có mua thức ăn của Cửa hàng thủy sản Thu Thúy và còn nợ số tiền 574.601.900 đồng, mục đích ông nuôi tôm là làm ăn kinh tế gia đình, vợ ông là bà Nguyễn Thị T cũng biết số nợ này. Ông đồng ý trả nợ gốc nhưng xin được trả dần, hiện ông đang nuôi con học đại học cũng chưa có khả năng trả dần mà xin thêm 02 năm mới trả dần được. Còn về lãi suất ông xin không trả lãi vì nuôi tôm thất bại, kinh tế gia đình khó khăn.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T thừa nhận chồng bà là ông Trương Huỳnh L nuôi tôm có nợ Cửa hàng T số tiền như nguyên đơn yêu cầu. Bà đồng ý cùng ông L trả số nợ này nhưng hoàn cảnh kinh tế khó khăn chưa có khả năng trả mà bà xin được trả dần theo ý kiến của ông L. Về phần lãi suất bà xin không trả lãi vì kinh tế gia đình khó khăn mong Tòa án xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị T trình bày: Bà là người phụ trách Cửa hàng vật tư Thủy Sản do ông Trần Viết V là Chủ hộ Kinh doanh cá thể T. Từ ngày 03/5/2019 ông Trương Huỳnh L còn nợ cửa hàng T số tiền 574.601.900 đồng. Bà thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đúng trình tự theo quy định.

Nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về giao dịch dân sự "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Giao dịch được điều chỉnh tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Trương Huỳnh L là bị đơn, bà Nguyễn Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Huỳnh L và bà Nguyễn T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Viết V – Chủ hộ kinh doanh cá thể T:

Đối với yêu cầu số nợ gốc 574.601.900 đồng: Ông Trương Huỳnh L có mua vật tư thủy sản nuôi tôm của Hộ kinh doanh cá thể T, trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 03/5/2019 ông L còn nợ số tiền 574.601.900đồng, ông Trương Huỳnh L và bà Nguyễn Thị T cũng thừa nhận số nợ này và đồng ý trả số nợ nhưng do làm ăn thất bại kinh tế khó khăn nên không có khả năng trả 01 lần và xin được trả dần. Vì vậy việc ông Trần Viết V – Chủ hộ kinh doanh cá thể T yêu cầu ông L và bà T trả nợ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về lãi suất: Ông L và bà T xin không trả lãi Hội đồng xét xử không chấp nhận, bởi lẻ nguyên đơn không chấp nhận giảm lãi và việc yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự. Do ông L bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi trên số tiền chậm trả, các đương sự không có thỏa thuận về mức lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để xác định mức lãi suất là 10%/năm, thời gian chậm trả tiền tính từ ngày 30/7/2019 đến ngày 13/12/2022 là 40 tháng 13 ngày. Lãi suất được

tính như sau: (574.601.900 đồng x (10%:12 tháng) x 40 tháng) + (574.601.900 đồng x (10%: 12 tháng: 30 ngày) x 13 ngày) = 193.608.917 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trương Huỳnh L và bà Nguyễn Thị T phải trả nợ cho ông Trần Viết V – Chủ hộ kinh doanh cá thể T số tiền nợ gốc là 574.601.900 đồng và lãi là 193.608.917 đồng, tổng cộng: 768.210.817 (Bảy trăm sáu mươi tám triệu hai trăm mười nghìn tám trăm mười bảy đồng).

[4] Xét việc ông L, bà T xin trả dần Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Vì phía nguyên đơn không thống nhất và việc xem xét thời gian, điều kiện Thi hành án là thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án dân sự.

[5] Xét quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Trương Huỳnh L và bà Nguyễn T bị buộc trả số tiền 768.210.817 đồng nên phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là: 20.000.000 đồng + (4% x 368.210.817 đồng) = 34.728.432 đồng.

Hoàn trả cho ông Trần Viết V – Chủ hộ kinh doanh cá thể T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.492.038 đồng theo biên lai số 0009265 ngày 26/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Viết V – Chủ hộ kinh doanh cá thể T.

Buộc ông Trương Huỳnh L và bà Nguyễn Thị T phải trả nợ cho ông Trần Viết V – Chủ hộ kinh doanh cá thể T số tiền nợ gốc là 574.601.900 đồng và lãi là 193.608.917 đồng, tổng cộng: 768.210.817 (Bảy trăm sáu mươi tám triệu hai trăm mười nghìn tám trăm mười bảy đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Ông Trương Huỳnh L và bà Nguyễn T phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 34.728.432 đ (Ba mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng).

- Hoàn trả cho ông Trần Viết V – Chủ hộ kinh doanh cá thể T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.492.038 đồng theo biên lai số 0009265 ngày 26/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

4. Quyền kháng cáo: Ông Trần Viết V, bà Hà Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Huỳnh L, bà Nguyễn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA DS huyện K ;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(đa ký)

Lê Thị Diễm